

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Ngọc Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Duy Bảo.

Ông Nguyễn Hồ Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 07/7/1983.

Nơi cư trú: K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt (có văn bản xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn C, sinh ngày 01/01/1980.

Nơi cư trú: K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hương T trình bày:

Ngày 03/8/2007 chị T và anh Nguyễn Cu kết H tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Nguyễn Cu đi lao động ở nước ngoài. Vài năm nay anh Nguyễn C không còn liên lạc về với mẹ con chị. Nay chị nhận thấy hai bên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Cu.

Về con: chị T, anh Nguyễn C có 03 con chung là Nguyễn Gia Đ1, sinh ngày 05/11/2006, đến nay đã trưởng thành; Nguyễn Minh H1, sinh năm 2011 và Nguyễn Ngọc Uyên T1, sinh năm 2019; không ai có con riêng, con nuôi. Từ khi anh

Nguyễn Cu Đ nước ngoài làm việc đến nay, 03 con chung ở với chị T. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chưa thành niên (cháu H1, cháu T1), và không yêu cầu anh Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho thân nhân của bị đơn và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh Nguyễn C đều vắng mặt không có lý do.

Chị Nguyễn Thị Hương T không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc hiện nay của anh Nguyễn Cu . Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu thân nhân anh Nguyễn C là anh Nguyễn Đ2 (anh trai anh Nguyễn C, cư trú tại thôn D, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn (anh Nguyễn C); yêu cầu anh Đ2 thông báo cho anh Nguyễn Cu B chị T đang khởi kiện ly hôn anh Nguyễn C và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết; đề nghị anh Nguyễn Cu G lời khai, yêu cầu cho Tòa án. Anh Nguyễn Đ2 cho biết anh Nguyễn C đang làm việc tại nước ngoài, vẫn liên lạc với gia đình; anh Nguyễn C đã biết chị T đang khởi kiện ly hôn anh Nguyễn C và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết. Nhưng do anh Nguyễn C thường xuyên thay đổi chỗ ở nên không có địa chỉ ổn định để cung cấp cho Tòa án; anh Nguyễn C đồng ý ly hôn chị T và đồng ý giao 03 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh Nguyễn C liên quan đến giải quyết vụ án trên cũng như không ai cung cấp thông tin về nơi cư trú, làm việc hiện tại của anh Nguyễn Cu .

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh H1, Nguyễn Ngọc Uyên T1: bố mẹ đẻ các cháu là Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Cu . Từ khi bố đi nước ngoài đến nay, các cháu ở cùng mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H2 Trà được ly hôn anh Nguyễn C; giao 02 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh năm 2011 và Nguyễn Ngọc Uyên T1, sinh năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Hương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Cháu Nguyễn Gia Đ1, sinh ngày 05/11/2006 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: do chị T chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn - anh Nguyễn C có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: khối F, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Cu H3 đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, nên vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: căn cứ khoản 1, 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì hiện nay anh Nguyễn C vắng mặt tại nơi cư trú và đang ở nước ngoài.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hương T đã trực tiếp đến Tòa án để làm việc, được tiếp cận công khai chứng cứ và trình bày ý kiến của mình, nhưng không thể tham gia phiên tòa, nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Công văn số 456/QLXNC-Đ1 ngày 25/02/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh N thì anh Nguyễn C xuất cảnh ngày 05/7/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế T4, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Nguyễn Thị Hương T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Cu T2 nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu anh Nguyễn Đ2 (anh trai anh Nguyễn C) cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Nguyễn C và thông báo cho anh Nguyễn Cu B Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết vụ án dân sự về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương T, đề nghị anh Nguyễn Cu G lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, anh Đ2 không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Nguyễn C, nhưng đã thông tin và anh Nguyễn C đã biết rõ việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết vụ án mà anh Nguyễn Cu L bị đơn và anh Nguyễn C không có ý kiến gì.

Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại Nhà văn hóa khối 6 và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn C trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Việc anh Nguyễn C không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến về vụ án thể hiện anh Nguyễn Cu có T3 dấu địa chỉ.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Trích lục kết hôn số 695 ngày 12/8/2024 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hương T và anh Nguyễn C là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Nguyễn Cu phát S và ngày càng trầm trọng từ sau khi anh Nguyễn Cu Đ lao động tại nước ngoài, hai bên chấm dứt liên lạc từ năm 2023 đến nay. Chị T nhận thấy vợ chồng chị không còn tình cảm, nên xin được ly hôn anh Nguyễn Cu .

Xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hương T và anh Nguyễn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H2 Trà được ly hôn anh Nguyễn C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Hương T và anh Nguyễn C có 03 con chung là Nguyễn Gia Đ1, sinh ngày 05/11/2006; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Ngọc Uyên T1, sinh ngày 08/8/2019. Nguyễn Gia Đ1 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Xét thấy: hiện nay Nguyễn Gia Đ1, Nguyễn Minh H1 đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Cu Đ nước ngoài nên cần chấp nhận nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Nguyễn Gia Đ1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không được ai cản trở. Anh Nguyễn C có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị H2 Trà không yêu cầu và anh Nguyễn C chưa có ý kiến, nên miễn xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; 37, 38, 39 Điều 147; khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban T5 về án phí, lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hương T được ly hôn anh Nguyễn Cu .

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 07/12/2011 và Nguyễn Ngọc Uyên T1, sinh ngày 08/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Hương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.3. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.4. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai số 0027 ngày 05/3/2025.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị Nguyễn Thị Hương T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5.2. Anh Nguyễn C đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Trường Thi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Tiếp